

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 602 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng
các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
năm học 2024-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn
đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định
học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán
kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị
quyết số 54/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13
tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và
địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày;
quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa
bàn tỉnh Kon Tum;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng các
chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm
2016 của Chính phủ, năm học 2024-2025 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

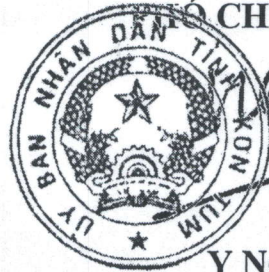
Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ngành liên quan và
các địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, công khai
và đúng đối tượng. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo
dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo qui định.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + CVP, PCVP_{KGVX};
- + Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.THT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP, NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024-20245
(Kèm theo Quyết định số: 602 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó					
				Học sinh người DTTS	Học sinh người kinh con hộ nghèo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở		
1	Trường THPT Kon Tum	1.405	1	1	0	1	1		
2	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	1.519	2	2	0	2	2		
3	Trường THPT Ngô Mã	1.003	53	53	0	53	53		
4	Trường THPT Trương Chính	915	18	18	0	18	18		
5	Trường THPT Lê Lợi	928	39	39	0	39	39		
6	Trường THPT Nguyễn Du	584	31	31	0	31	31		
7	Trường PT DTNT huyện Đắk Hà	405	9	9	0	9	9		
8	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.132	4	4	0	4	4		
9	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	820	7	7	0	7	4		
10	Trường PT DTNT huyện Đắk Tô	431	32	32	0	32	32		
11	Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	460	67	67	0	67	0		
12	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.360	11	11	0	11	11		
13	Trường THPT Phan Chu Trinh	410	41	40	1	41	41		

14	Trường THPT Lương Thế Vinh	684	284	284	0	284	181	
15	Trường PT DTNT huyện Đắk Glei	544	66	66	0	66	66	
16	Trường THPT Quang Trung	710	21	18	3	21	21	
17	Trường PT DTNT Sa Thầy	410	53	52	1	53	53	
18	Trường THPT Chu Văn An	334	42	42	0	42	42	
19	Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plông	513	64	64	0	64	0	
20	Phân hiệu Trường PT DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	297	45	41	4	45	45	
21	Trường PT DTNT huyện Kon Rẫy	369	6	6	0	6	6	
22	Trường THPT Duy Tân	1.074	13	13	0	13	13	
23	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	812	2	2	0	2	2	
Tổng cộng		17.119	911	902	9	911	674	

THÔNG BÁO

**Kết quả thẩm định đối tượng được hưởng chế độ
theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ năm học 2024-2025**

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình của các đơn vị trực thuộc Sở và Báo cáo kết quả thẩm định của các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chế độ của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở ngày 18/10/2024; Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thẩm định đối tượng học sinh được hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả thẩm định đối tượng học sinh được hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Tổng số đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách được miễn học phí là 3.451 học sinh.

- Tổng số đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách được giảm 70% học phí là 1.212 học sinh.

- Tổng số đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách được giảm 50% học phí là 138 học sinh.

- Tổng số đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập là 2.224 học sinh.

(Số liệu chi tiết từng đơn vị có phụ lục kèm theo).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc Sở trực tiếp chi trả kinh phí cho đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập và thực hiện quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định.

3. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo theo quy định hiện hành.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Sở Tài chính (p/h);
- KBNN tỉnh, huyện (p/h);
- Giám đốc Sở GDĐT (b/c);
- Các PGĐ Sở GDĐT (t/d);
- Các ĐVHC thuộc Sở GDĐT (p/h);
- Lưu: VT, KHTC_{DTA}.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Đinh Thị Lan

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, NĂM HỌC 2024-2025
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

STT	Đơn vị	Tổng số học sinh của các đơn vị	Số liệu đơn vị đề nghị				Số liệu thẩm định				Ghi chú
			Số đối tượng miễn, giảm học phí			Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	Số đối tượng miễn, giảm học phí			Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	
			Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%		Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%		
1	Trường Mầm non THSP Kon Tum	585	175	2	-	4	175	2	-	4	
2	Trường TH THSP Nguỵ Như Kon Tum	1.125	-	-	-	3	-	-	-	3	
3	Trường THCS THSP Lý Tự Trọng	1.649	10	-	5	10	10	-	5	10	
4	Trường PT DTNT Sa Thầy	405	316	83	-	84	316	83	-	84	
5	Trường PT DTNT Đăk Tô	337	304	29	4	37	304	29	4	37	
6	Trường PT DTNT THPT Kon Plông	494	364	45	-	73	364	45	-	73	
7	Trường PT DTNT Đăk Glei	543	390	67	2	85	390	67	2	85	
8	Trường PT DTNT Đăk Hà	398	271	9	4	12	271	9	4	12	
9	Trường PT DTNT Tu Mơ Rông	460	396	65	-	78	396	65	-	78	
10	Trường PT DTNT Kon Rẫy	367	267	25	3	99	267	25	3	99	
11	Trường THPT Kon Tum	1.409	9	1	3	13	9	1	3	13	
12	Trường THPT Lê Lợi	887	7	41	7	48	7	41	7	48	
13	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.360	16	6	8	23	16	6	8	23	
14	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.032	7	5	14	21	7	5	14	21	
15	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	812	-	-	-	12	-	-	-	12	
16	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	800	3	19	5	82	3	19	5	82	
17	Trường THPT Duy Tân	1.071	14	12	3	28	14	12	3	28	
18	Trường THPT Nguyễn Du	583	12	51	6	118	12	51	6	118	
19	Trường THPT Chu Văn An	322	6	47	11	107	6	47	11	107	
20	Trường THPT Quang Trung	710	9	24	6	174	9	24	6	174	

STT	Đơn vị	Tổng số học sinh của các đơn vị	Số liệu đơn vị đề nghị				Số liệu thẩm định				Ghi chú
			Số đối tượng miễn, giảm học phí			Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	Số đối tượng miễn, giảm học phí			Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập	
			Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%		Miễn	Giảm 70%	Giảm 50%		
21	Trường THPT Lương Thế Vinh	668	44	325	-	482	44	325	-	482	
22	Trường THPT Ngô Mây	997	57	61	8	118	57	61	8	118	
23	Trường THPT Phan Chu Trinh	410	22	33	2	78	22	33	2	78	
24	Trường THPT Trường Chinh	905	17	94	17	142	17	94	17	142	
25	Trường THPT Phan Bội Châu	357	5	-	2	5	5	-	2	5	
26	Trường PT DTNT Tỉnh	497	497	-	-	-	497	-	-	-	
27	Phân hiệu Trường PT DTNT Tỉnh tại IaH'Drai	300	178	49	3	124	178	49	3	124	
28	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	1.513	14	1	-	22	14	1	-	22	
29	Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum	568	41	118	25	142	41	118	25	142	
Tổng cộng		21.564	3.451	1.212	138	2.224	3.451	1.212	138	2.224	